

**HỢP ĐỒNG KIỂM ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
CHỨNG KHOÁN**

Account Opening Form and Service Agreement

Số/No:/20...../VTSS

Số Tài Khoản/Account No

0	3	8	F						
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--

Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán này (Hợp đồng) được ký ngày ___ tháng ___ năm 20___ giữa các bên có tên dưới đây: This Agreement is signed on/...../..... by and between the following parties:

(A) KHÁCH HÀNG/ CLIENT:

Họ và tên /Full name :

Ngày sinh/Date of birth: Nơi sinh:/ Place of birth:

Giới tính/Gender : Nam/Male Nữ /Female Quốc tịch/Nationality.....

Số ID card/ Passport No :

Cấp ngày/ Issued date: Nơi cấp: Issued by:.....

Địa chỉ thường trú/Permanent Address:.....

Địa chỉ liên hệ /Contact Address :

Điện thoại cố định /Telephone Mobile: Email:.....

(Sau đây gọi tắt là “Khách hàng”)/ (Hereinafter referred to as the “Client”)

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN (VTSS)/ VIET TIN SECURITIES STOCK COMPANY (VTSS):

Trụ sở chính: Tầng 1&2, số 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Head office: Floor 1&2, 40 Phan Boi Chau Street, Cua Nam Ward, Hoan Kiem District, Hanoi

Giấy phép thành lập và hoạt động: 24/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 11/12/2006.

Business License No. 24/ UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 11/12/2006

Người đại diện:/Represented by: ông/Mr **Ronald Nguyễn Anh Đạt**. Chức vụ/Position: **Chủ tịch HĐQT/ Chairman**

(Sau đây gọi là **Công ty chứng khoán** hoặc **VTSS**)/(Hereinafter called as **Securities company** or **VTSS**)

Hai bên cùng thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện cụ thể được quy định chi tiết tại các trang sau của Hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một (01) bản. Ngôn ngữ Tiếng Việt sẽ là ngôn ngữ cơ sở để giải quyết tranh chấp.

Both parties hereby agree to enter into the Agreement with the terms detailed in the foregoing pages. This agreement is made in two (02) sets with the same legal value. Each party keeps one (01) set. The Vietnamese version will prevail.

Khách hàng/Client

(Ký và ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín

Viet Tin Securities Stock Company

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, fullname and company's seal)

Chữ ký mẫu của chủ tài khoản <i>Client's signature</i>		Phần dành cho VTSS <i>(For office use)</i>	
Chữ ký 1/ Signature 1	Chữ ký 2/ Signature 2	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ Processed by <i>(Signature and full name)</i>	Kiểm soát Verified by <i>(Signature and full name)</i>

THÔNG TIN VỀ KHÁCH HÀNG & ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ TIỆN ÍCH
CLIENT'S INFORMATION & SERVICES REQUIRED

I. Thông tin về chứng khoán và kiến thức đầu tư chứng khoán của khách hàng/ Information related to securities & Client's investment knowledge:

1. Kiến thức đầu tư/ Investment knowledge

Loại chứng khoán đầu tư Traded securities	<input type="checkbox"/> Cổ phiếu/Stock	<input type="checkbox"/> Trái phiếu/Bond	<input type="checkbox"/> Chứng chỉ quỹ/ Fund certificates	<input type="checkbox"/> Khác/Other
Hiểu biết về đầu tư Investment understanding	<input type="checkbox"/> Chưa có/None	<input type="checkbox"/> Còn hạn chế/Limited	<input type="checkbox"/> Tốt/Good	<input type="checkbox"/> Rất tốt/Very good
Kinh nghiệm đầu tư Investment experience	<input type="checkbox"/> Chưa có/None	<input type="checkbox"/> Cổ phiếu/Stock	<input type="checkbox"/> Trái phiếu/Bond	<input type="checkbox"/> Khác/Other
Mục tiêu đầu tư Investment objectives	<input type="checkbox"/> Dài hạn/ Long-term	<input type="checkbox"/> Trung hạn/ Mid-term	<input type="checkbox"/> Ngắn hạn Short-term /	
Mức độ chấp nhận rủi ro Risk tolerance level	<input type="checkbox"/> Thấp/Low	<input type="checkbox"/> Trung bình/Medium	<input type="checkbox"/> Cao/High	

2. Tài khoản mở tại công ty chứng khoán khác/Trading account at other Securities Companies:

STT/No	Số tài khoản / Trading account number	Tên Công ty chứng khoán/ Securities company

3. Tên Công ty đại chúng mà Chủ tài khoản nắm chức danh quản lý /Public companies in which Client holds management position:

Công ty/ Company:.....Chức danh/Title:

Công ty/ Company:.....Chức danh/Title:

4. Tên Công ty đại chúng mà Chủ tài khoản sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên/ Public companies in which Client own 5% or more of the charter capital

Công ty/ Company:..... Tỷ lệ sở hữu/ Ownership rate.....%

Công ty/ Company:..... Tỷ lệ sở hữu/ Ownership rate.....%

II. Thông tin về người có quyền thụ hưởng liên quan:/ Information of relevant beneficiary:

1. Họ và tên:/Full name.....

2. Ngày sinh:/Date of birth...../...../..... Nơi sinh:/Place of birth

Giới tính:/Gender Nam/Male Nữ/Female

3. Số CMND:/ID card/ Passport Nocấp ngày/Issued date : .../.../..... tại/ at:.....

4. Địa chỉ liên hệ:/ Contact address

5. Mobile /Contact telephone:Fax.....Email:.....

6. Mối quan hệ với Chủ tài khoản:/ Relationship to the Client

III. Thông tin về người ủy quyền giao dịch (nếu có): Information of authorized person (if any):

1. Họ và tên:/Full name.....

2. Ngày sinh:/Date of birth...../...../..... Nơi sinh:/Place of birth

Giới tính:/Gender Nam/Male Nữ/Female

3. Số CMND:/ID card/ Passport Nocấp ngày/Issued date : .../.../..... tại/ at:.....

4. Địa chỉ liên hệ:/ Contact address

5. Mobile /Contact telephone:Fax.....Email:.....

IV. Thông tin tuân thủ FATCA ((Đạo luật thuế Hoa Kỳ) dành cho khách hàng là cá nhân:

Information of US (for FATCA compliance purpose)

- (a) Khách hàng là đối tượng chịu thuế thu nhập của Hoa Kỳ./Clients are subject to US income tax.
- (b) Khách hàng không phải là đối tượng chịu thuế thu nhập của Hoa Kỳ nhưng có một trong những dấu hiệu Hoa Kỳ theo quy định của FATCA: (1) Có thẻ xanh Hoa Kỳ; (2) Có nơi sinh tại Hoa Kỳ; (03) Có địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú, cư trú tại Hoa Kỳ (bao gồm hộp nhận thư ở bưu điện Hoa Kỳ); (4) Có địa chỉ nhận thư hộ hoặc lưu thư tại Hoa Kỳ; (5) Có số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ; (6) Có lệnh thanh toán định kỳ chuyển khoản vào một tài khoản mở tại Hoa Kỳ; (7) Có ủy quyền hoặc cấp thẩm quyền ký còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ.

Clients are not subject to US income tax but have one of the US signs under FATCA regulations: (1) Have US green card; (2) Having a birthplace in the US; (03) Having an address to receive mail or permanent address, residing in the US (including a mail box at the US post office); (4) Has a mailing or mailing address in the US; (5) There are contact numbers in the US; (6) There is a periodic payment order to transfer to an open account in the US; (7) An effective authorization or authority for an object with an address in the US.

- (c) Khách hàng không phải là các đối tượng nêu trên./ Clients are not the above objects

Bằng cách tích chọn vào các ô thích hợp phía trên và ký xác nhận tại Hợp đồng này, Khách hàng cam kết các thông tin kê khai là chính xác và đầy đủ. Khách hàng cam kết thông báo cho Công ty ngay khi có sự thay đổi và các thông tin đã kê khai như trên./ By selecting the appropriate boxes above and signing this Agreement, Client commits that the information declared is accurate and complete. Clients commit to notify Company as soon as there is a change and the information declared above.

Trong trường hợp Khách hàng tích chọn là (a) hoặc (b), Khách hàng cam kết cung cấp bộ tài liệu FATCA (mẫu đơn W9/W8-Ben và/ hoặc tài liệu khác chứng minh) trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này. Trường hợp Khách hàng không cung cấp bộ tài liệu FATCA cho Công ty thì tài khoản của Khách hàng này được phân loại là "Tài khoản chống đối" theo quy định. Đồng thời, Khách hàng đồng ý cho Công ty báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan thuế có thẩm quyền, thực hiện khấu trừ thuế theo yêu cầu (nếu có)./In case the Client chooses (a) or (b), Client commits to provide FATCA (W9 / W8-Ben form and / or other documents) within 30 days of Sign this Agreement. In case the Client does not provide a FATCA set of documents for Company, this Client's account is classified as an "Opposition Account" as prescribed. At the same time, the Client agrees to allow Company to report the information of Client's accounts to the US Internal Revenue Service (IRS) or the competent tax authority, to make the required tax deduction (if any).

V. Thông tin về người tư vấn mở tài khoản và giao dịch chứng khoán:/Information about consultants opening trading accounts

- 1.Họ và tên :/ Full name.....
- 2. Số chứng chỉ hành nghề / Number of practice certificate3. Type:
- 4.Quan hệ giữa người tư vấn và Chủ tài khoản :/ Relationship with client:

- Mới quen/Acquaintances
- Quan hệ họ hàng/Relative
- Không quen biết/None

VI. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ CÁC DỊCH VỤ

Register to use transactions & utility services

	Có/Yes	Không/No
1.Phương thức giao dịch : Trading method		
- Giao dịch qua số điện thoại /Trade via phone number Mật khẩu giao dịch (Gồm từ 6 đến 10 ký tự)/Password (Consists of 6 to 10 characters)		
- Giao dịch trực tuyến qua internet, ứng dụng di động/ Online Trading Xác nhận đã nhận thẻ ma trận /Confirm receiving Matrix card:		
- Giao dịch tại Công ty chứng khoán/ At Securities company.		
2. Phương thức nhận thông báo kết quả giao dịch/ Method of receive transaction results:		
- Tại Công ty chứng khoán/At Securities company.		

- Tin nhắn SMS về số điện thoại đã đăng ký ở trên /SMS message on the phone number registered above.		
3. Phương thức nhận sao kê tài khoản hàng tháng/ Method of receive monthly account statements:		
- Tại Công ty chứng khoán/At Securities company.		
- Email đã đăng ký thông tin với công ty chứng khoán /Email has registered information with Securities company.		

4. Phương thức khấu trừ thuế thu nhập – Method of withholding income tax: Công ty sẽ khấu trừ thuế thu nhập theo mức 0.1% trên giá chuyển nhượng từng lần hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành. (The Company shall withhold the income tax at the rate of 0.1% of the selling amount for each transaction or upon the requirement of existing regulations.)

5. Đăng ký sử dụng dịch vụ chuyển tiền qua giao dịch trực tuyến:/Register to use the money transfer via online trading:

Khách hàng là Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký Tài khoản đầu tư vốn đầu tư gián tiếp/Customer is a foreign investor registering an investment account with indirect investment.

TT No	Tên chủ tài khoản Account name	Số tài khoản Account number	Ngân hàng/ Chi nhánh Bank/Branch
1			

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các quy định về giao dịch chứng khoán và được tư vấn về các rủi ro khi đầu tư vào chứng khoán, tôi đề nghị Công ty chứng khoán mở tài khoản để thực hiện giao dịch chứng khoán. Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về giao dịch chứng khoán của pháp luật hiện hành và của Công ty chứng khoán.

After studying full regulations on securities trading and being advised on risks in securities trading, I request the Securities Company to open an account for conducting securities trading. I undertake the above information is true and commit to properly comply with regulations on securities trading of the prevailing laws and of the Securities Company.

ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TERMS OF OPENING SECURITIES TRADING ACCOUNT

Điều 1: Mục đích Hợp đồng /Article 1: Purpose of the Agreement

- 1.1 Theo nội dung của *Hợp đồng* này, *Khách hàng* yêu cầu và *Công ty chứng khoán* đồng ý mở một Tài khoản giao dịch Chứng khoán (*Tài khoản chứng khoán*) đứng tên *Khách hàng* để thực hiện quản lý tiền, chứng khoán và thực hiện các giao dịch chứng khoán cho *Khách hàng*./According to the content of this Agreement, the Client requests and the Securities Company agrees to open an Account (Securities Trading Account) under the name of the Client to manage cash, securities and conducting securities trading for the Client.
- 1.2 Công ty chứng khoán cung cấp các dịch vụ theo hợp đồng này bao gồm: / Services offered by Securities Company according to this Agreement includes:
 - a. Mở tài khoản giao dịch chứng khoán; hướng dẫn Khách hàng thực hiện ký quỹ tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại Công ty chứng khoán /tại ngân hàng chỉ định thanh toán; / Open trading account; instruct Client to deposit for securities trading at VTSS/ at designated settlement bank.
 - b. Quản lý tiền /chứng khoán của Khách hàng và phối hợp với Ngân hàng chỉ định thanh toán quản lý tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của Khách hàng (đối với trường hợp Khách hàng thanh toán thông qua ngân hàng chỉ định); / Manage Client's cash/securities and coordinate with designated settlement bank to manage Client's fund (in case Client settles transactions via designated bank).
 - c. Thực hiện giao dịch theo lệnh của Khách hàng và cung cấp kết quả giao dịch cho Khách hàng; / Place Client's order and inform Client about transaction result.
 - d. Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách hàng thông qua Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán theo ủy quyền của Khách hàng; / Offer custody service, settlement and securities registration via Vietnam Securities Depository in the Power of Attorney given by Clients.
 - e. Thay mặt Khách hàng, thực hiện các quyền lợi hợp pháp gắn liền với chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Khách hàng, theo ủy quyền của Khách hàng bằng hợp đồng này; / Exercise legal corporate actions related to Securities under Client's ownership based on Client's Power of Attorney according to this Agreement.
 - f. Khách hàng ủy quyền cho Công ty chứng khoán thay mặt Khách hàng thực hiện các nội dung sau: / Clients authorize Securities Company to act on behalf of Clients in the following transactions:

- i. Phong tỏa/ hủy phong tỏa tiền trên tài khoản tiền gửi theo lệnh giao dịch chứng khoán của Khách hàng, phối hợp với ngân hàng chỉ định thanh toán phong tỏa /hủy phong tỏa (trong trường hợp Khách hàng thanh toán thông qua ngân hàng chỉ định) ;/ Block/ unblock cash on trading account according to Client's transactions, coordinate with designated settlement bank to block/unblock cash (in case Client exercise payment via designated settlement bank).
 - ii. Thanh toán tiền, thanh toán phí theo kết quả giao dịch mua bán chứng khoán của Khách hàng; / Settle transactions and fees according to transaction results.
 - iii. Thanh toán các nghĩa vụ nợ khác phát sinh đối với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán; / Repay debts arising within Client's trading account opened at Securities Company.
 - iv. Nhận tiền bán chứng khoán, cổ tức và các quyền khác bằng tiền phát sinh từ tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán. / Receive payment from securities sale, dividend and payment related to other corporate actions, arising from Client's trading account opened at Securities Company.
- g. Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được Công ty chứng khoán cung cấp theo từng thời điểm và được công bố trên website chính thức của Công ty chứng khoán. / Other services allowed by Law are offered according to Company policy, which is published on Securities Company official website.

Điều 2: Phương thức giao dịch/ Article 3: Trading Method

- 2.1 *Khách hàng* thực hiện giao dịch theo một trong các phương thức sau: (i) tại quầy giao dịch, (ii) qua điện thoại, (iii) qua mạng trực tuyến; (iv) hoặc bằng các phương thức khác đã đăng ký với *Công ty chứng khoán*.
The Client conducts the trading in one of the following methods: (i) at the counter, (ii) by telephone, (iii) online trading; (iv) or others methods registered with the Securities Company.
- 2.2 *Công ty chứng khoán* sẽ kiểm tra tính hợp lệ của các lệnh giao dịch của *Khách hàng* để đảm bảo tuân thủ các quy định của *Công ty chứng khoán* và pháp luật hiện hành về giao dịch chứng khoán. Sau khi kiểm tra thành công, các lệnh giao dịch này sẽ được chuyển vào hệ thống của các Sở Giao dịch chứng khoán để tiến hành thực hiện giao dịch.
The Securities Company will examine the validity of the Client's orders to ensure that the orders are complied with the regulations of the Securities Company and the prevailing regulations on the securities transactions. After successfully examining, these orders will be forwarded to the system of the Stock Exchanges for executing the transactions.
- 2.3 Đối với phương thức giao dịch qua điện thoại và giao dịch qua mạng trực tuyến, *Khách hàng* đồng ý rằng khi *Công ty chứng khoán* chấp nhận giao dịch của *Khách hàng*, bản ghi âm và bản ghi trên hệ thống được lưu tại *Công ty chứng khoán* là chứng từ gốc phản ánh đầy đủ nội dung giao dịch và có hiệu lực pháp lý ràng buộc đối với các bên.
With respect to the trading methods by telephone and online, the Client agrees that where the Client's transactions are accepted, recording version and copy saved in the system of the Securities Company shall be original documents reflecting the full contents of the transaction and binding the parties.

Điều 3: Tỷ lệ ký quỹ đặt mua/bán chứng khoán và thực hiện giao dịch/ Article 3: Margin ratio and executing the trading order

- 3.1 Khi *Khách hàng* đặt lệnh mua, số dư tiền trên *Tài khoản chứng khoán* phải tương đương hoặc lớn hơn tổng giá trị chứng khoán được đặt lệnh, thuế và phí dịch vụ ước tính.
When the Client orders to buy, the balance of cash in the Securities Account must be equal to or greater than the total value of the securities order, taxes and service fees estimated.
- 3.2 Khi *Khách hàng* đặt lệnh bán, số dư chứng khoán phải đủ số lượng và trong tình trạng có thể giao dịch được.
When the Client orders to sell, the securities balance must be sufficient in quantity and in the status of availability for trading
- 3.3 *Khách hàng* chỉ được phép sửa, hủy một phần hoặc toàn bộ lệnh giao dịch đã đặt trong trường hợp lệnh giao dịch chưa được khớp lệnh hết, đồng thời việc sửa đổi, hủy bỏ này được gửi trong thời gian và theo hình thức mà *Công ty chứng khoán* quy định, phù hợp với quy định của các Sở Giao dịch chứng khoán và pháp luật hiện hành.
The Client is only allowed to amend, cancel a part or the whole of the placed trading orders in case the trading orders have not been fully matched, concurrently, these amendments, cancellations must be sent within the period of time and under the forms stipulated by the Securities Company in accordance with regulations of the Stock Exchanges and the prevailing laws.
- 3.4 *Khách hàng* có trách nhiệm tự kiểm tra kết quả giao dịch, *Công ty chứng khoán* gửi thông báo kết quả khớp lệnh cho *Khách hàng* bằng phương thức *Khách hàng* đã đăng ký. Bất kỳ thắc mắc, khiếu nại nào đối với kết quả khớp lệnh cần được gửi đến *Công ty chứng khoán* chậm nhất là ngày giao dịch tiếp theo. Sau thời gian trên, *Khách hàng* không có phản hồi được coi là chấp nhận kết quả giao dịch.
The Client is liable to check the trading result by himself/herself, the Securities Company will notify the matched order result to the Client by the methods registered by the Client. Any inquiry, claim on the matched order result must be addressed to the Securities Company on the subsequent trading date at the latest. Exceeding such time limit, the Client will be deemed accepted the trading result if no feedback is given.

Điều 4: Cách thức xử lý tài sản trong trường hợp khách hàng không có khả năng thanh toán đúng hạn / Article 4: Asset handling in default event

Trong trường hợp *Khách hàng* không thực hiện nghĩa vụ nào phát sinh từ giao dịch chứng khoán đã được thực hiện, với sự đồng ý mặc nhiên của *Khách hàng*, *Công ty chứng khoán* có quyền tự động trích tiền từ tài khoản của *Khách hàng* và/hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán, sử dụng tiền trong tài khoản thanh toán của khách hàng cũng như bán toàn bộ số chứng khoán trên tài khoản để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh đó. Nếu số tiền và chứng khoán trên *Tài khoản chứng khoán* không đủ để thực hiện nghĩa vụ, *Công ty chứng khoán* có quyền yêu cầu *Khách hàng* sử dụng các tài sản khác để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh theo quy định hiện hành cho đến khi các nghĩa vụ đó được thực hiện xong.

Where the Client fails to fulfill any obligations arisen from the executed securities trade, the Securities Company, with the implied Agreement of the Client, will have the right to automatically deduct cash from the Client's account and/or to request settlement bank, to use cash balance as well as sell the whole securities in the Client's respective accounts to pay for such arisen obligations. If cash and securities in the Client's accounts will not be sufficient to cover for its obligations, the Securities Company will have

the right to require the Client to use other assets to pay such shortfall and compensate for any losses in accordance with the current laws until it is completed.

Điều 5: Các cam kết mặc định/ Article 5: Commitments of Client

- 5.1 *Khách hàng* thừa nhận rằng tại thời điểm kí *Hợp đồng* này, *Khách hàng* đã được *Công ty chứng khoán* hướng dẫn về cách thức giao dịch, đặt lệnh cùng tất cả các thông tin yêu cầu khác về chứng khoán và thị trường chứng khoán, khả năng mang lại rủi ro cho *Khách hàng* khi đầu tư chứng khoán. *Khách hàng* cũng hiểu rằng các thông tin, phân tích, tư vấn và ý kiến của *Công ty chứng khoán* chỉ mang tính chất tham khảo và *Khách hàng* hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình.
- The Client acknowledges that at the time of signing this Agreement, the Client has been guided by the Securities Company about trading, ordering method, as well as other required information about securities, securities market, potential risks may arise to the Client when investing in securities. The Client also understands that information, analysis, consultancy and opinion of Securities Company are for reference only and the Client shall be fully responsible for his/her investment decisions
- 5.2 *Khách hàng* mặc nhiên thừa nhận giá chứng khoán có thể và luôn luôn biến động, và một chứng khoán bất kỳ có thể lên giá hoặc xuống giá, trong một số trường hợp có thể trở nên hoàn toàn vô giá trị.
- The Client understands automatically that securities price may always fluctuate, and any security may increase or decrease its price, in some cases it may become valueless.
- 5.3 Khi ký tên hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch liên quan đến *Tài khoản chứng khoán*, *Khách hàng* mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị *Công ty chứng khoán* thực hiện giao dịch cho mình. Phiếu lệnh mua/bán chứng khoán, tài liệu, dữ liệu mua/bán chứng khoán theo các phương thức khác và các chứng từ, tài liệu có liên quan là phần không thể tách rời của *Hợp đồng*.
- By signing or authorizing other people to execute trades relating to the securities account, the Client automatically acknowledge that the Client considered carefully before requesting the Security Company to execute the relevant trades. Any order slip of buying/selling securities, document, data of buying/selling securities by other method and relevant documents and materials constitute an integral part of this Agreement.
- 5.4 Khi thực hiện giao dịch qua điện thoại, giao dịch trực tuyến, *Khách hàng* đồng ý rằng: giao dịch bằng phương thức điện tử luôn có tiềm ẩn các rủi ro, bao gồm nhưng không giới hạn ở các rủi ro do lộ mật khẩu, lộ mã số giao dịch, bị người thứ ba truy cập một cách bất hợp pháp, bị gián đoạn, ngừng trệ giao dịch do lỗi thiết bị, đường truyền, do virus, và những rủi ro khác. *Khách hàng* đồng ý miễn mọi trách nhiệm pháp lý cũng như yêu cầu bồi thường đối với *Công ty chứng khoán* hay bất kỳ nhân viên nào của *Công ty chứng khoán* đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ những rủi ro nêu trên.
- When executing trading by telephone, online trading, Client agrees that: electronic trading always contain risks including but not limited to risks from disclosure of password, transaction code, illegal access by the third party, interruption or cease of trading due to equipment error, transmission lines, virus and other objective risks. The Client agrees to discharge the Securities Company and any staff of the Securities Company from all of legal liabilities and compensation claims for any damages arisen from above risk.
- 5.5 Trong quá trình tiến hành giao dịch, *Khách hàng* cam kết và tuân thủ tất cả các quy trình về giao dịch chứng khoán do *Công ty chứng khoán* quy định.
- In the course of trading, Client commits to and comply with all of procedures on securities trading stipulated by the Securities Company.

Điều 6: Quyền và Nghĩa vụ của Khách hàng/ Article 6: Rights and obligations of Client

- 6.1 Sở hữu hợp pháp đối với số tiền và chứng khoán đã ủy thác cho *Công ty chứng khoán* lưu giữ và có quyền định đoạt số tiền và chứng khoán trong *Tài khoản chứng khoán* cho các giao dịch chứng khoán.
- Owning legally all of cash and securities which the Client has authorized the Securities Company to keep in custody and has the right to dispose of the cash and securities in the Securities Account for securities transactions.
- 6.2 Được hưởng các quyền lợi phát sinh từ số chứng khoán ủy thác cho *Công ty chứng khoán* lưu giữ.
- Receiving all and any profits arising from the securities which are authorized to the Securities Company to keep in custody
- 6.3 Đặt lệnh giao dịch theo các phương thức giao dịch quy định tại Khoản 3.1, Điều 3 của *Hợp đồng* phù hợp với quy định về giao dịch chứng khoán do *Công ty chứng khoán* quy định trong từng thời kỳ.
- Placing order to trade in securities in accordance with Article 3, Clause 3.1 hereof and other provisions on trading securities regulated by the Securities Company from time to time.
- 6.4 Được ủy quyền toàn phần hoặc từng phần cho người khác thực hiện giao dịch liên quan trên *Tài khoản chứng khoán* theo quy định của *pháp luật* và phù hợp với nội dung trong *Hợp đồng* ủy quyền (theo mẫu) có xác nhận của *Công ty chứng khoán*.
- Having the right to authorize other person to execute wholly or partly relevant trades in the Securities account in accordance with the laws and the content of the Authorization Agreement (in the sample form) and notarized in accordance with the laws
- 6.5 *Khách hàng* có quyền rút một phần hoặc toàn bộ tiền và chứng khoán khỏi *Tài khoản chứng khoán* khi có nhu cầu hoặc khi chấm dứt *Hợp đồng* với điều kiện tiền và chứng khoán này không bị ràng buộc bởi bất kỳ nghĩa vụ nào.
- The Client has the right to withdraw a part of or a whole cash balance and securities from the Securities Account upon demand or upon termination of the Agreement provided that the cash and the securities are not bound by any obligations.
- 6.6 Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin khi mở tài khoản giao dịch tại *Công ty chứng khoán* theo *Hợp đồng* này hay bất kỳ hợp đồng nào khác sẽ ký với *Công ty chứng khoán*. Trong trường hợp có sự thay đổi thông tin hoặc phát hiện thông tin sai lệch, *Khách hàng* có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi hoặc phát hiện để *Công ty chứng khoán* điều chỉnh. *Công ty chứng khoán* sẽ không bị ràng buộc bất kỳ trách nhiệm nào đối với

những thiệt hại, rủi ro, tổn thất phát sinh cho *Khách hàng* do sự thay đổi thông tin hoặc thông tin sai lệch mà *Khách hàng* không cập nhật cho *Công ty chứng khoán*.

Providing complete and accurate information at the time of opening an account in the Securities Company under this Agreement or any other agreements to be signed with the Securities Company. In case of change in information or detection of error, the Client shall inform the Securities Company in writing within one (1) working day from the date of change or detection for its correction. The Securities Company shall not be liable for any damages, risks, losses suffered by the Client resulting from the change or error of information which are not updated by the Client to the Securities Company.

6.7 Chấp nhận kết quả giao dịch được thực hiện bởi *Công ty chứng khoán*, phù hợp với lệnh đặt giao dịch do *Khách hàng* hoặc người được ủy quyền của *Khách hàng* thực hiện. / Accepting trading result executed by the Securities Company which is suitable to trading orders made by the Client or his/her authorized person

6.8 *Khách hàng* có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí dịch vụ theo biểu phí quy định của *Công ty chứng khoán*.
Client has the obligation to pay all service fees in accordance with service fee schedule of the Securities Company.

6.9 Nộp các loại thuế theo quy định của Pháp luật nếu có phát sinh từ các giao dịch của *Khách hàng*.
Paying any taxes in accordance with laws if arising from Client's trading.

6.10 *Khách hàng* có trách nhiệm cam kết bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản, tên đăng nhập, thẻ bảo mật, mật khẩu và thông báo ngay cho *Công ty chứng khoán* khi các thông tin này bị mất hoặc bị tiết lộ.

Client shall keep secret all information relating to account, log in name, confidential card, password and notify immediately to the Securities Company if this information will be lost or disclosed.

6.11 *Khách hàng* đồng ý rằng, *Công ty chứng khoán* có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc từng phần, bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào (kể cả các loại phí dịch vụ) liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do *Công ty chứng khoán* cung cấp và *Khách hàng* mặc nhiên chấp nhận với điều kiện là *Công ty chứng khoán* sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ cho *Khách hàng* thông qua một trong các phương thức do *Công ty chứng khoán* lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; (iv) hoặc công bố trên website chính thức của *Công ty chứng khoán*, trước khi những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của *Công ty chứng khoán*) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của *Khách hàng* đối với các sửa đổi đó. Nếu *khách hàng* không đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào, thì *Khách hàng* phải thông báo cho *Công ty chứng khoán* bằng văn bản về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt sử dụng các dịch vụ với *Công ty chứng khoán* và/hoặc đóng tài khoản giao dịch chứng khoán.

Client agrees that, Securities Company has the right to amend, supplement or omit a section, the whole or any article of this Agreement (including fees) related to any services offer by Securities Company; Client accepts any amendments and supplementations, providing that Securities Company notifies Clients, using one of these methods: (i) documentation; (ii) voice-record built-in telephone; (iii) email; (iv) Securities Company official website prior to the effective date of the amendments and supplementations. In case of disagreements with any adjustments, Client must notify Securities Company, using document, about the service suspension or termination of service agreement and/or closure of trading account.

6.12. Tự chịu trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán, chuyển nhượng chứng khoán trên tài khoản giao dịch của *Khách hàng* mà theo quy định của pháp luật *Khách hàng* có nghĩa vụ công bố thông tin.

Self – responsible for disclosure of information regarding transactions, transfer done on Client's security account in which Client has the obligation to disclose information.

6.13 *Khách hàng* đồng ý ủy quyền cho *Công ty chứng khoán* được toàn quyền truy cập và thực hiện các công việc cần thiết trên Tài khoản của *Khách hàng* để kiểm tra số dư, phong tỏa, thu hồi số tiền trong trường hợp bị chuyển nhầm cho *Khách hàng*, để thanh toán/khấu trừ các khoản phí, phí dịch vụ, thuế (nếu có); thu hồi các khoản nợ của *khách hàng*.

Client agrees to authorize VTSS to have full access to and perform necessary work on Customer's Account to: check the balance, blockade, recover the amount in case of wrong transfer to Client to pay / deduct the fees, service charges, taxes (if any) of Client; Recovery of Client's debt.

6.14 Tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và các hướng dẫn của *Công ty chứng khoán* liên quan đến việc sử dụng *Tài khoản chứng khoán* và giao dịch mua/bán chứng khoán. / Strictly complying with legal provisions and guidances of the Securities Company related to the use of the Securities account and buying/selling securities.

6.15 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành. /Other rights and obligations in accordance with provisions of the Agreement and current laws

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán/ Article 7: Rights and obligations of the securities company

7.1 Hưởng phí dịch vụ theo biểu phí mà *Công ty chứng khoán* quy định được niêm yết công khai tại nơi giao dịch và trang web của *Công ty chứng khoán*. /Receiving service fees according to the service fees schedule stipulated by the Securities Company which is publicly published in trading places and the securities company's website

7.2 Trong trường hợp *Khách hàng* vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định trong *Hợp đồng* này và/hoặc các qui định của pháp luật, *Công ty chứng khoán* có quyền đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực giao dịch của *Tài khoản chứng khoán* của *Khách hàng* mà không bị xem là vi phạm *Hợp đồng* và không phải bồi thường cho *Khách hàng*.

Where the Client breaches any obligation of this Agreement and/or any regulation of the relevant laws, the securities company will have the right to suspend or terminate the trading validity of the securities account of the Client without any liability for unlawful termination of the Agreement and the respective compensation for the Client.

7.3 Thực hiện giao dịch theo yêu cầu của *Khách hàng* phù hợp với pháp luật và quy định của *Hợp đồng* này.

Trading on request of the Client in compliance with the laws and the terms hereof.

7.4 *Công ty chứng khoán* cam kết bảo mật thông tin liên quan đến tài khoản của *Khách hàng* trừ trường hợp: (i) phải cung cấp theo quy định của Pháp luật và/hoặc yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền khác, (ii) được sự đồng ý của *Khách hàng* (iii)

hoặc Công ty chứng khoán cung cấp cho các bên cung cấp dịch vụ cho mình phục vụ cho quản trị, hoạt động của Công ty chứng khoán và các bên cung cấp dịch vụ phải cam kết bảo mật các thông tin của Khách hàng.

The Securities Company undertakes to keep information relating to the Client's account confidential, except for the case (i) to be disclosed in accordance with the laws and/or as requested by competent authorities, (ii) as approved by the Client, (iii) or the Securities Company provides the same to its service providers to serve administration, operation of the Securities Company and the service providers must undertake to keep information of the Client confidential

- 7.5 Công ty chứng khoán gửi cho Khách hàng thông báo kết quả giao dịch và các thông tin liên quan khác (gọi là thông báo) bằng một trong các phương thức sau: gửi tin nhắn/SMS/gọi điện/fax/thư đến địa chỉ mà Khách hàng đã đăng kí với Công ty chứng khoán.

The Securities Company sends the Client the notice on trading result and other relevant information (notice) in either following methods: message/SMS/telephone/facsimile/letter to the address being registered with the Securities Company by the Client

- 7.6 Công ty chứng khoán sẽ chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại, mất mát trong trường hợp Khách hàng chứng minh được các thiệt hại, mất mát do phát sinh trực tiếp từ lỗi của Công ty chứng khoán và không thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Thông tin khách hàng cung cấp cho Công ty chứng khoán không cập nhật, chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin lệnh mua, bán, tên chứng khoán, mã chứng khoán, số lượng, giá, và các thông tin khác có liên quan, (ii) lỗi do hệ thống truyền tin của nhà cung cấp dịch vụ hoặc viễn thông, (iii) lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả những đối tác của Công ty chứng khoán trong việc cung cấp dịch vụ trực tuyến/điện thoại.

The Securities Company shall be liable for any damages and/or losses in case the Client proves such damages and/or losses resulted directly from the Securities Company's fault and do not fall under one of following circumstances: (i) Information provided by the Client is not update, late, insufficient or inexact included but not limit to information on order to buy and/or sell, securities names, securities codes, quantity, price and other relevant information (ii) errors caused by transmission system of service provider and/or telecommunication providers, (iii) errors caused by the third party including the Securities Company's business partners in providing online services/telephone services.

- 7.7 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.

Other rights and obligations as prescribed by this Agreement and current laws.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp/ Article 8: Dispute settlement

Tất cả các tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng, hòa giải giữa các bên. Trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết.

Any dispute arisen from or related to this Agreement shall be settled firstly by negotiations and conciliations between agreementing Parties. If such dispute is not settled through negotiations and conciliations, either Party may refer the dispute to the competent court of Vietnam for settlement.

Điều 9: Chia sẻ thông tin/ Article 9: Sharing information

Khách hàng đồng ý để Công ty chứng khoán chia sẻ thông tin của khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn: họ và tên, email, điện thoại, địa chỉ, số tài khoản, thông tin về giao dịch, thông tin về tài sản, sản phẩm khách hàng đang nắm giữ, thông tin về nợ... cho Công ty CP Quản lý Quỹ Việt Tín và ngược lại, nhằm mục đích nhận diện khách hàng, kết nối hệ thống, cung cấp sản phẩm, dịch vụ đồng bộ.

Client agrees to allow Securities company share Client's information including but not limited to: name, email, phone number, address, account number, transaction information, property information and information on product current held by clients, information on debt ... for the Viet Tin Capital Corporation and vice versa, in order to identify customers, connect the system, provide synchronous products and services. Securities company committed to protecting Client information in the process of coordinating information.

Điều 10: Hiệu lực của Hợp đồng/ Article 10: Validity of the Agreement

- 10.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày bên cuối cùng ký và đóng dấu hợp pháp vào Hợp đồng.

This Agreement will come to effect from the date where the last party signs and seals properly to the Agreement.

- 10.2. Hợp đồng này cùng các Phụ lục, tài liệu khác đính kèm (nếu có) sẽ được giải thích và điều chỉnh bởi Pháp luật Việt Nam /The Agreement and its Annexes and other documents (if any) shall be interpreted and governed by the Laws of Vietnam.

- 10.3 Hợp đồng có thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày có hiệu lực và sẽ tự động gia hạn từng năm khi hết thời hạn nếu hai bên không có thoả thuận nào khác.

This Agreement will be valid for 01 (one) year from the effective date and will be renewed automatically every year at the expiry unless otherwise agreed by Parties hereto.

- 10.4 Nếu có điều khoản nào của Hợp đồng được xác định là không có hiệu lực và/hoặc không thể thực thi, thì việc đó cũng không ảnh hưởng đến hiệu lực các phần còn lại trong Hợp đồng.

If any clauses of this Agreement is defined to be invalid and/or unenforceable, such clause shall not affect to the validity of the remains.

- 10.5 Hợp đồng có thể được chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:

The Agreement may be terminated before expiry in any circumstances as specified below:

• Một trong các bên yêu cầu chấm dứt Hợp đồng; / Upon request of any Party herein.

• Khách hàng vi phạm nghĩa vụ, thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật;/The Client breaches its obligations or commits any act which is prohibited by laws

• Khách hàng bị chết, bị mất năng lực hành vi dân sự, bị truy tố trước pháp luật;/The Client's death or loss of civil acts or being prosecuted before the law

- Công ty Chứng khoán giải thể, phá sản, bị đình chỉ hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động.

The securities company is liquidated, bankrupted, or ceased the operation or being revoked operational licence

- 10.6 Khi *Hợp đồng* chấm dứt theo các trường hợp quy định tại Khoản 10.4 Điều này, các bên hoặc người thừa kế hoặc kế nhiệm hợp pháp vẫn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn tồn tại theo quy định trong *Hợp đồng* này.

Where the Agreement will be terminated in any circumstance as provided in Article 10.4 herein, either Party or its lawful inheritor or successor shall still be liable to fulfill its outstanding obligations under this Agreement.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

TERMS AND CONDITIONS FOR ONLINE TRADING AND SERVICES

Điều 1. Định nghĩa thuật ngữ/ Article 1: Term definition

- 1.1 “**Giao dịch trực tuyến**” là các giao dịch liên quan đến chứng khoán, tiền gửi, lệnh trên tài khoản giao dịch chứng khoán mà các giao dịch đó (i) được thực hiện phù hợp với các Dịch vụ; và thông qua các phương tiện trực tuyến, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điện thoại, fax, internet, tin nhắn SMS, email, web-chat, app và các phương tiện trực tuyến khác.

E-Trading” is the transactions related to securities, cash in the Client’s securities trading account opened at The Securities Company, which (i) are performed in accordance with the E-Trading Services; and through electronic means including without limitation of telephone, fax, internet, SMS messages, email, web-chat and electronic others.

- 1.2 “**Dịch vụ Giao dịch trực tuyến**” là các dịch vụ do Công ty Chứng khoán cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để Khách hàng thực hiện các Giao dịch trực tuyến.

“E-Trading Service” is the services provided by the Securities Company for the Clients at certain time for the Client’s E-Trading performance purpose.

- 1.3 “**Hệ thống**” là hệ thống do Công ty Chứng khoán thiết lập để thực hiện các Giao dịch trực tuyến bao gồm các chương trình phần mềm, tiện ích, ứng dụng được cài đặt tại địa chỉ tên miền <https://www.viet-tin.com/vtss> hoặc hệ thống điện thoại, fax, email của Công ty Chứng khoán.

“System” is the system built by the Securities Company in order for E-Trading performance including software programs, utilities, applications which are installed <https://www.viet-tin.com/vtss> or the system of telephone, fax of the Securities Company.

- 1.4 “**Mật khẩu đăng nhập**” là mật khẩu để xác định Khách hàng khi truy cập vào Hệ thống.

“Logging password” is the password to verify the Client when they access the system.

- 1.5 **Mật khẩu giao dịch** là mật khẩu được sử dụng để Khách hàng xác nhận trước khi thực hiện một Giao dịch qua điện thoại.

“Trading password” is the password which is used to confirm before performing a telephone transaction.

- 1.6 “**Chứng từ trực tuyến**”: là các thông tin liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu giao dịch tiền và chứng khoán của Khách hàng được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ khi sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.

“Electronic record” is data related to performing the Client’s securities, cash transactions, which is created, generated, received and stored when E-Trading Service is used and/or performed.

- 1.7 **Sự kiện bất khả kháng** có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào sau đây, mà làm cho bất kỳ Bên nào hoặc các Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo các điều khoản này, như là sự ngăn cấm hay hành động của chính phủ hoặc cơ quan công quyền, bạo loạn, chiến tranh, chiến sự, bạo động, đình công, tranh chấp lao động khác và các ngừng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai khác, và các sự kiện khác vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của các Bên.

Force majeure means any events including any acts or restrictions of the Government or civil authorities, riots, wars, civil commotions, insurrections, strikes, other labor controversy and other work stagnations, unoperated or prevented utilities, epidemic diseases, fires, floods, earthquakes, tsunamis or natural disasters, and other events beyond the control of the two parties otherwise unavoidable, which prevent any party or both parties from fulfillment of all or part of these terms.

Điều 2. Nội dung thỏa thuận/ Article 2. Content of Agreement

- 2.1 Công ty Chứng khoán đồng ý cung cấp và Khách hàng đồng ý sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến.

The Securities Company agrees to provide and the Client agrees to use E-Trading Service.

- 2.2 Công ty Chứng khoán sẽ quy định và/hoặc điều chỉnh nội dung cụ thể của Dịch vụ mà Công ty Chứng khoán cho là hợp lý tùy từng thời điểm và công bố rộng rãi các nội dung này trên website chính thức của Công ty Chứng khoán.

The Securities Company shall regulate or govern the concrete content of the Service if reasonable at certain time and publicized these contents on the official website of the Securities Company.

- 2.3 Khi ký tên vào bản đăng ký này, Khách hàng được quyền đăng ký sử dụng các Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và các dịch vụ khác mà Công ty Chứng khoán đang cung cấp hoặc sẽ cung cấp trong tương lai theo các hình thức mà Công ty chứng khoán quy định tùy từng thời điểm. Sau khi đăng ký thành công khách hàng có quyền sử dụng các Dịch vụ này và mặc nhiên chấp nhận các điều khoản, điều kiện ràng buộc được quy định cho dịch vụ khách hàng đã đăng ký.

Once signing this registration, Client has the right to register for E-Trading service, and other securities services which are currently provided or will be provided by Securities Company in the future, according to any policy of VTSS at a certain point of time. By the using our service, and execution of the E-Trading Service Registration Form above, the Client hereby agrees to all terms and conditions hereof.

- 24 Việc cung cấp Dịch vụ Giao dịch trực tuyến của Công ty Chứng khoán và việc sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng được ràng buộc bởi các điều khoản của Hợp đồng mở tài khoản, các cam kết liên quan mà Khách hàng đã ký kết với Công ty Chứng khoán và/hoặc các điều kiện, cách thức, quy định giao dịch cụ thể được Công ty Chứng khoán hướng dẫn, thông báo trực tiếp cho Khách hàng hoặc trên website của Công ty Chứng khoán.

The Securities Company's E-Trading Service provision and the Client's use of E-Trading Service and/or E-Trading performance are bound by the terms and conditions of Account Opening Agreement, related undertakings which the Client has signed with the Securities Company and/or conditions, ways, detailed trading regulations which are instructed and informed directly by the Securities Company or on the website of the Securities Company.

Điều 3. Các rủi ro phát sinh từ Giao dịch trực tuyến/ Article 3. Risks from E-Trading

Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Khách hàng ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến, bao gồm nhưng không giới hạn những rủi ro dưới đây:

There are likely risks any time in using E-Trading Service and/or E-Trading performance due to the faults of the System or of any third party. The Client undertakes to accept every risks arising from using E-Trading Service and/or performing E-Trading, due to the faults of the System, of any third party or the Client's acts affecting using E-Trading Service and/or performing E-Trading, included but not limited to the following risks:

- 31 Lỗi kỹ thuật phát sinh từ hệ thống phần cứng, phần mềm; Technical errors arising from hardware and software systems;
- 32 Đường truyền kết nối từ công ty chứng khoán đến các Sở Giao dịch Chứng khoán bị đứt kết nối do các nguyên nhân từ phía nhà cung cấp;
Line connection from the securities company to the Stock Exchange is disconnected caused by the supplier;
- 33 Các nguyên nhân do sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến hệ thống như: thiên tai, động đất ảnh hưởng đến hệ thống phần cứng;
Force majeure causes such as natural disasters, earthquakes which affect to the hardware system;
- 34 Nguy cơ ngưng trệ hoạt động của hệ thống mạng do tắc nghẽn đường truyền (trong nước và quốc tế);
The risk of network outage due to traffic congestion (domestic and international);
- 35 Các máy tính có thể bị nhiễm virus hoặc bị tấn công mạng làm ngưng trệ các hoạt động trao đổi thông tin trong mạng máy tính;
Computers may be infected virus or be hacked into network, which causes a stop of information exchange in the network
- 36 Lỗi phần mềm cơ sở hạ tầng như: hệ điều hành, phần mềm ảo hóa do nguyên nhân từ phía nhà sản xuất;
Software infrastructure errors such as: operating system, virtualization software caused by the manufacturer;
- 37 Lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn, hoặc có lỗi dữ liệu; Orders may be suspended, delayed, or contain data errors;
- 38 Việc nhận dạng các tổ chức hoặc nhà đầu tư có thể bị nhầm, sai sót; Identification of institutions or investors may be incorrect;
- 39 Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai lệch hoặc cũng có thể có độ trễ từ 1 - 30s vì những nguyên nhân khách quan;
Price board and other information about securities may be defective or misleading or may have a delay of 1 - 30 seconds due to objective reasons;
- 310 Các tin tức, thông tin doanh nghiệp được đăng tải trên website của VTSS, hay các hệ thống giao dịch trực tuyến của VTSS được trích dẫn từ nguồn các SGDC và từ đơn vị cung cấp tin tức chính thức cho VTSS;
Corporate information and information updated on VTSS's website or VTSS's online trading systems are quoted from stock exchanges (HNX, HSX) and from official information provider for VTSS;
- 311 Những rủi ro có thể xảy ra của các phương thức xác thực đặt lệnh cho nhà đầu tư. Possible risks of order confirmation methods for investors.

Điều 4. Thời gian cung cấp Dịch vụ/ Article 4. Time of Service supply

- 41 Công ty Chứng khoán sẽ cung cấp Dịch vụ Giao dịch trực tuyến liên tục.
The Securities Company will provide E-Trading Service continuously.
- 42 Thời gian cung cấp Dịch vụ Giao dịch trực tuyến liên quan đến giao dịch mua/bán/hủy chứng khoán được thực hiện theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tùy từng thời điểm.
The time of E-Trading Service supply related to securities buy/sell/cancel transactions is performed upon regulations of Ho Chi Minh Stock Exchange/Ha Noi Stock Exchange from time to time.
- 43 Thời gian ngưng cung cấp Dịch vụ Giao dịch trực tuyến do bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp Hệ thống hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được Công ty Chứng khoán thông báo trước trên website của Công ty Chứng khoán.
The time of suspending E-Trading service supply due to amendment, maintenance and updating of the System or being requested by competence governmental offices shall be informed in advance by the Securities Company.

Điều 5. Bảo mật/ Article 5. Security

- 51 Trách nhiệm của Khách hàng / The Client's responsibility
- 5.1.1 Bảo mật Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch, bảo quản thẻ ma trận của mình và chịu mọi thiệt hại, mất mát phát sinh do Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch bị tiết lộ dưới bất cứ hình thức nào hoặc do thẻ ma trận bị thất lạc vì bất cứ lý do nào.
Keep the logging password, trading password in secret, maintain Matrix card and be responsible for all losses and damages due to logging password, trading password revealed under any circumstance or Matrix card mislaid for any reason
- 5.1.2 Trường hợp Khách hàng phát hiện các thông tin cần bảo mật nêu trên có thể không còn thuộc sự kiểm soát của mình thì cần

lập tức thông báo cho Công ty Chứng khoán biết và thực hiện theo chỉ dẫn của Công ty Chứng khoán.

In the case of discovering the above information out of the Client's control, the Client has to keep the Securities Company informed without delay and performs the Securities Company instructions.

- 5.1.3 Trong trường hợp thẻ ma trận bị thất lạc hoặc mất cắp, Khách hàng phải thông báo ngay cho Công ty Chứng khoán bằng văn bản, thực hiện theo các chỉ dẫn của Công ty Chứng khoán và phải thanh toán cho Công ty Chứng khoán chi phí cấp thẻ ma trận mới. Khách hàng hoàn toàn tự chịu trách nhiệm đối với tất cả các giao dịch đang diễn ra hoặc đã được thực hiện trước khi Công ty Chứng khoán có xác nhận đã nhận được thông báo mất thẻ ma trận của Khách hàng.

In the case that Matrix card is mislaid or stolen, the Client has to keep the Securities Company informed without delay in writing, performs its instructions and pay it the charge of buying a new Matrix card. The Client is completely responsible for happening or performed transactions before the Securities Company confirms to have received the Client's notice.

5.2 Trách nhiệm của Công ty Chứng khoán/ The Securities Company's responsibility

- 5.21 Bảo mật và lưu giữ thông tin của Khách hàng (tài khoản đăng nhập/Mật khẩu đăng nhập, thông tin giao dịch, và tất cả các thông tin khác của Khách hàng) trừ trường hợp phải cung cấp các thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Keep the Client's personal information (logging account/logging password, and all other information) in secret, except for the case of providing this information for offices having jurisdiction by law

- 5.22 Hỗ trợ Khách hàng khôi phục thông tin đăng nhập khi Khách hàng yêu cầu.

Support the Client to recover logging information when requested by the Client.

Điều 6. Cam kết của Khách hàng/ Article 7. The Client's undertakings

- 6.1 Cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ và tuân thủ đúng những hướng dẫn sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến do Công ty Chứng khoán cung cấp trực tiếp cho Khách hàng hoặc công bố rộng rãi trên website của Công ty Chứng khoán ("Hướng dẫn công khai"). Công ty Chứng khoán không chịu bất kỳ trách nhiệm đối với những Giao dịch trực tuyến không thực hiện được với bất kỳ lý do gì hay bất cứ thiệt hại nào xảy ra khi Khách hàng không thực hiện đúng những Hướng dẫn công khai.

Undertake to read carefully, understand clearly and keep to the manual of using E-Trading Service and/or performing E-Trading, which are directly provided by the Securities Company or publicized on its website ("Public Instruction"). The Securities Company is not responsible for unperformed E-Trading for any reason or any damages if the Client does not perform Public Instruction in the right way.

- 6.2 Đồng ý rằng bất cứ hành động truy cập/giao dịch nào vào/trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng bằng tên truy cập với đúng Mật khẩu đăng nhập và Mật khẩu giao dịch hoặc các yếu tố định danh khác do Công ty Chứng khoán cung cấp cho Khách hàng đều được coi là Khách hàng truy cập.

Agree that any access/trading to/on the Client's securities trading account by username with right logging password and trading password or other defining factors provided by the Securities Company to the Client is regard as the Client's access.

- 6.3 Cung cấp đầy đủ/đăng ký các thông tin liên quan đến Khách hàng và kịp thời thông báo cho Công ty Chứng khoán khi có sự thay đổi các thông tin đó, chịu trách nhiệm với thông tin cung cấp. Việc thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi Khách hàng đã nhận được xác nhận bằng văn bản của Công ty Chứng khoán.

Provide fully/register information related to the Client and quickly inform the Securities Company when that information is changed, be responsible for such provided information. The change is valid just after the Client receives the Securities Company's confirmation in writing.

- 6.4 Chấp nhận rằng mọi trao đổi gửi đến hoặc gửi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện trực tuyến khác mà Khách hàng đã đăng ký cho Công ty Chứng khoán mặc nhiên được hiểu là được gửi đến hoặc gửi từ Khách hàng.

Accept that all information or exchanges sent to or from email, telephone, fax or other electronic means registered to the Securities Company by the Client are naturally regarded as sent to or from the Client.

- 6.5 Thanh toán đầy đủ Phí dịch vụ và lệ phí khác theo quy định của Công ty Chứng khoán đã được Hướng dẫn công khai tùy từng thời điểm.

Pay full amount Services Fee and other expenses in accordance with the regulations of the Securities Company publicly instructed from time to time.

- 6.6 Ý thức và đồng ý những rủi ro có thể phát sinh từ Giao dịch trực tuyến đã được đề cập tại Điều 3 trên đây và Bản công bố rủi ro mà Công ty Chứng khoán đã cung cấp cho Khách hàng hoặc công bố trên website của Công ty Chứng khoán.

Be aware of and agree likely risks from E-Trading mentioned in Article 3 of these terms of use and the Risks Disclosure provided by the Securities Company or publicized on its website.

- 6.7 Khi ký tên hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện Giao dịch trực tuyến trên tài khoản giao dịch chứng khoán của mình, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng về quyết định ủy quyền này và chịu trách nhiệm hoàn toàn về các Giao dịch trực tuyến do người được ủy quyền thực hiện.

When signing or authorizing the other person to perform E-Trading on the Client's Securities trading account, the Client naturally acknowledge to have considered carefully this authorization and is completely responsible for E-Trading performed by such authorized person.

- 6.8 Chịu trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng... do Khách hàng sử dụng khi kết nối, truy cập vào Hệ thống nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép Dịch vụ Giao dịch trực tuyến.

- 6.9 Be responsible to apply any reasonable measures in order to ensure security and logicity for all kinds of machines, connection equipment, systematic software, application software, used by the Client to connect, access to the System in order to control and

prevent illegal use and access to E-Trading Service.

- 6.10 Đồng ý uỷ quyền cho Công ty Chứng khoán được tự động trích nợ tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng để thanh toán Phí dịch vụ và/hoặc chi phí khác theo quy định của Công ty Chứng khoán liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng.
- 6.11 Agree to authorize the Securities Company to extract cash from the Client's securities trading account to pay Services Fee and/or other expenses by the Securities Company's regulations related to the Client using E-Trading Service or performing E-Trading.

Điều 7. Cam kết của Công ty Chứng khoán/ Article 8. The Securities Company's undertakings

- 7.1 Công ty Chứng khoán không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên chuyển tiếp, thực hiện thành công các Giao dịch trực tuyến của bất kỳ Khách hàng nào khi sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.
The company has no any undertakings, assurance or priority of transition and of successful performance for any E-Trading when The Client uses E-Trading Service and/or performs E Trading.
- 7.2 Đối với các Giao dịch trực tuyến mà Công ty Chứng khoán trong khả năng kiểm soát của mình nhận thấy có dấu hiệu khả nghi, bất thường hoặc không hợp lệ, Công ty Chứng khoán có thể từ chối thực hiện hoặc phải xác minh, kiểm tra lại trước khi thực hiện.
For E-Trading's transaction that the Security Company discovers under its control invalid, unusual, doubtful signs, the Securities Company can reject to perform or has to verify, check again before performance.
- 7.3 Quản lý thông tin liên quan đến việc thực hiện giao dịch của Khách hàng theo đúng quy định pháp luật.
Manage information related to the Client's trading performance by law.
- 7.4 Cung cấp, hướng dẫn và hỗ trợ cho Khách hàng sử dụng các Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến, công khai các biểu phí áp dụng;
Supply, instruct and support the Client to use E-Trading Services and/or perform E-Trading, publicize applied Service Fee levels.
- 7.5 Thông báo trước cho Khách hàng trong trường hợp ngưng, tạm ngưng, thay đổi/chỉnh sửa/thay thế cung cấp một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ Giao dịch trực tuyến; thay đổi các điều khoản áp dụng khi đăng ký giao dịch trực tuyến cho phù hợp với quy định pháp luật.
Inform the Client in advance in the case of interruption, temporary interruption, change/repair/replacement of a part or all E-Trading Services; change the terms and conditions listed here in accordance with legal regulations.
- 7.6 Hướng dẫn và hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật phát sinh khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/ hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến. Thường xuyên cập nhật các phiên bản mới của Hệ thống cho Khách hàng (nếu có).
Instruct and support technical problems when the Client uses E-Trading Services and/or performs E-Trading. Regularly update new versions of the System to the Client (if any).
- 7.7 Lưu trữ các Chứng từ trực tuyến liên quan đến việc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo rằng các bằng chứng này có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết.
Store Electronic record related to the Client's E-Trading performance by law and ensure these documents accessible and usable for reference in necessary cases.
- 7.8 Thực hiện ngay việc thông báo trên website của Công ty Chứng khoán và thông báo tại trụ sở Công ty Chứng khoán và nỗ lực tối đa trong thời gian sớm nhất để khắc phục sự cố khi xảy ra lỗi đường truyền hoặc lỗi hệ thống dẫn đến Giao dịch trực tuyến không thể thực hiện được để Khách hàng kịp thời tiến hành giao dịch chứng khoán thông qua nhân viên giao dịch hoặc nhân viên môi giới của Công ty Chứng khoán.
Inform in reasonable time on the Securities Company's website and at its orders receiving agents, branches and head office and exert itself in short time to repair problems in transmissi on or systematic faults causing E-Trading unperformed in order for the Client to timely perform securities trading through tellers or brokers of the Securities Company.
- 7.9 Bồi thường thiệt hại cho khách hàng theo quy định của pháp luật trường hợp phát sinh các thiệt hại do lỗi của Công ty Chứng khoán gây ra.
Compensate for damages due to the Securities Company's faults by law.

Điều 8. Miễn trừ trách nhiệm/ Article 8. Disclaimer

- 8.1 Công ty Chứng khoán không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót hoặc thiệt hại nào phát sinh do:
The Securities Company is not responsible for any mistakes or damages for following reasons:
- 8.1.1 Khách hàng cung cấp thông tin chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác dẫn đến không sử dụng được Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.
The Client gives late, insufficient or inexact provision of information, which causes E-Trading Services unusable and/or E-Trading unperformed.
- 8.1.2 Lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả những đối tác của Công ty Chứng khoán trong việc cung cấp Dịch vụ Giao dịch trực tuyến.
Mistakes of any third parties, even including the Securities Company's partners in providing E-Trading Service.
- 8.1.3 Lỗi của Hệ thống hay bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan, kể cả trường hợp Hệ thống từ chối thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng vì bất kỳ lý do nào.
Faults of the System or any relevant technical means, even including the case that the System rejects to perform the Client's E-Trading for any reason.
- 8.1.4 Công ty Chứng khoán thực hiện chậm trễ hay không thể thực hiện được trách nhiệm của mình theo đúng các điều khoản và quy định sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến này do có sự trục trặc về máy móc, xử lý dữ liệu, thông tin viễn thông, thiên tai hay bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của Công ty Chứng khoán hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo của bất kỳ bên thứ ba nào.

The Securities Company performs with delay or cannot perform its duties according to the terms and conditions of using E-Trading Services because of problems regarding machines, data process, media, act of God or any events which are out of its control or results of any third parties' fraud and fake.

- 8.15 Việc sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến hoặc tiếp cận các thông tin mà Dịch vụ Giao dịch trực tuyến cung ứng của những người được Khách hàng ủy quyền.

The use of E-Trading Service and/or the performance of E-Trading or the access to E-Trading Service of the person who is authorized by the Client.

- 8.16 Việc Khách hàng để mất, mất cắp thẻ ma trận, lộ tên truy cập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch và/hoặc các yếu tố định danh khác mà Công ty Chứng khoán cung cấp dẫn đến người khác dùng những thông tin này để sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến hoặc tiếp cận những thông tin mà Dịch vụ Giao dịch trực tuyến cung ứng.

The case that the Client lets Matrix card mislaid, stolen, logging username, logging password, trading password, electronic signature and/or other verification factors provided by the Security Company enables other person to make use of this information for using E-Trading Services and/or performing E-Trading or accessing to the information provided by E-Trading Services.

- 8.2 Hai bên không chịu trách nhiệm bất kỳ sai sót, một phần hay toàn bộ các điều khoản được nêu tại đây khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

The two parties hereto are not responsible for any mistakes, a part or all of these terms of use in case of force majeure.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung và chấm dứt / Article 10. Amendment, supplement and termination of the terms

- 9.1 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản áp dụng khi đăng ký giao dịch trực tuyến phải được sự đồng ý của các Bên và lập thành văn bản.

Amendment and supplement of the terms listed here have to be agreed by the two parties and in writing.

- 9.2 Các điều khoản áp dụng được chấm dứt khi / All the terms of use are terminated when

9.2.1 Hợp đồng mở tài khoản chấm dứt;/ Account opening Agreement is terminated.

9.2.2 Công ty Chứng khoán thông báo trước cho Khách hàng về việc ngừng hoặc chấm dứt các điều khoản áp dụng khi đăng ký dịch vụ giao dịch trực tuyến vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần có sự đồng ý của Khách hàng;

An advance announcement of termination sent by the Securities Company to the Client at any time without the Client's approval.

9.2.3 Khách hàng yêu cầu ngừng sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến theo mẫu mà Công ty Chứng khoán cung cấp;

The Client requests to cease using E-Trading Services provided by the Securities Company.

9.2.4 Xảy ra sự kiện bất khả kháng;/ Due to force majeure.

9.2.5 Theo quy định của pháp luật hiện hành. / In compliance with applicable law and regulations.

Việc chấm dứt dịch vụ này không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ chưa thực hiện của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các bên có trách nhiệm hoàn tất nghĩa vụ của mình đến thời điểm chấm dứt dịch vụ trong thời gian sớm nhất có thể.

The termination of this Service Provision, for any reason whatsoever, shall not affect any outstanding rights and obligations which may have already accrued between the parties up to the effective date of termination. All rights and obligations outstanding at the date of termination shall be settled by both parties as soon as practicable.

- 9.3 Công ty Chứng khoán bảo lưu quyền được sửa đổi, bổ sung Phí Dịch vụ, Dịch vụ Giao dịch trực tuyến cụ thể vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần phải có sự đồng ý trước của Khách hàng. Công ty Chứng khoán sẽ thông báo các sửa đổi, bổ sung nêu trên và các thông tin liên quan khác công khai tại quầy giao dịch, website của Công ty Chứng khoán hoặc gửi qua địa chỉ email mà Khách hàng đã đăng ký với Công ty Chứng khoán. Công ty Chứng khoán không chịu trách nhiệm trong trường hợp Khách hàng không nhận được thông tin do:

The Securities Company reserves its right of amendment and supplement for E-Trading Service charges at any time without the Client's Agreement. The Securities Company informs above amendments, supplements and other relevant information at trading counters, on its website of the Securities Company or via email registered by the Client. The Securities Company is not responsible for the case that the Client does not receive information due to:

- Email của Khách hàng không nhận được thư vì bất cứ lý do gì; The Client's email cannot receive emails for any reason.

- Khách hàng thay đổi địa chỉ email mà không thông báo với Công ty Chứng khoán.

The Client changes email address without informing the Securities Company.

Điều 10. Điều khoản chung/ Article 10. General term

- 10.1 Các điều khoản áp dụng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng mở tài khoản.

These terms of use are an integral part of account opening Agreement.

- 10.2 Việc Khách hàng đăng ký và sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến không làm miễn trừ quyền và nghĩa vụ của Khách hàng được quy định tại Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán, các cam kết liên quan mà Khách hàng đã ký kết với Công ty Chứng khoán và/hoặc các điều kiện quy định về cách thức giao dịch cụ thể mà Công ty Chứng khoán đã hướng dẫn hoặc được thông báo công khai cho Khách hàng.

The case that the Client registers and uses E-Trading Service does not waive the Client's rights and duties stipulated in the Securities trading account opening Agreement, related undertakings which The Client has signed with The Securities Company and/or concrete conditions of trading ways instructed and publicized by the Securities Company.

10.3 Việc đăng ký sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến không loại trừ quyền của Khách hàng được thực hiện giao dịch chứng khoán qua hình thức sử dụng các dịch vụ khác mà Khách hàng đã đăng ký với Công ty Chứng khoán.

Registering to use E-Trading Service does not waive the Client's right of securities trading performance through using other services which the Client has registered with the Securities Company.

10.4 Khách hàng cần thực hiện kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi số dư và diễn biến tài khoản giao dịch chứng khoán và kịp thời phản ánh cho Công ty Chứng khoán những sai sót phát sinh (nếu có) trong quá trình sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.

The Client should directly and frequently check Securities trading account status and balance and keeps the Securities Company informed without delay of mistakes arising from the process of using E- Trading Service and/or performing E-Trading.

10.5 Các điều khoản này được điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Các tranh chấp phát sinh giữa Khách hàng và Công ty Chứng khoán được giải quyết trên cơ sở thương lượng hòa giải giữa hai Bên. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không thành, các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

These terms of use shall be construed to in accordance with the law of Vietnam. Any dispute or controversy arising between the Client and the Securities Company relating to these terms of use will settle by negotiation. In case the negotiation fails, both parties have the right to transfer the case to competent court having jurisdiction to be settled by law.